

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 25-4-2019

V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Lục Văn Phách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về Hôn nhân và gia đình.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nông Tuấn K Sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Vi Đàm L (V) Sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 09, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hoàng Minh Ngọc - VPLS Nguyễn Đình, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Nông Tuấn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 6 năm 2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Nông Tuấn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K và bà Vi Đàm L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Nay là phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 25 tháng 4 năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng nhau tại thị trấn T, huyện P, tỉnh Cao Bằng sau đó chuyển về sinh sống tại tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống đến tháng 6/2003 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đầu năm 2014 mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, từ khi sống ly thân ông bà không còn quan tâm đến nhau nữa. Khi mâu thuẫn nảy sinh bản thân hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Nay ông K nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vi Đàm L.

Về con chung: Ông K và bà Vi Đàm L có 02 con chung, con thứ nhất tên là Nông Ngọc L (sinh 18/9/2003), con thứ hai tên là Nông Thị Ngọc T (sinh 02/02/2010). Khi ly hôn ông K đề nghị được nuôi cả hai con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng ông yêu cầu bà L đóng góp cấp dưỡng mỗi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông K và bà L có 01 (Một) ngôi nhà xây 2 tầng ở tại: Tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng có giá trị là 274.057.000đ, ngôi nhà xây trên đất là tài sản riêng của bà L. Nay ông yêu cầu được hưởng 2/3 giá trị tài sản là 180 triệu đồng, vì ông đóng góp nhiều tiền hơn bà L khi xây dựng nhà.

Bị đơn Vi Đàm L khai:

Về điều kiện và thời gian kết hôn: Bà L xác nhận như ông Nông Tuấn K đã

trình bày.

Sau khi kết hôn: Vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống trong việc giáo dục con cái. Quá trình xảy ra mâu thuẫn có cãi vã và xô sát, hai vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không đạt kết quả. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông K yêu cầu ly hôn bà nhất trí.

Về con chung: Bà L xác nhận vợ chồng bà có hai con chung như ông K trình bày là đúng.

Khi ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Thị Ngọc T (sinh 02/02/2010); cháu Nông Ngọc L (sinh 18/9/2003) giao cho ông Nông Tuấn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không đặt ra nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng đối với hai bên.

Về tài sản:

Tài sản riêng: Là thửa đất số 233, tờ bản đồ số 16, có diện tích 77m², ở xóm KC, xã N, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Nay là tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Thửa đất này bà L được nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bố mẹ trước khi kết hôn với ông K. Bà yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng.

Tài sản chung: Là ngôi nhà xây 02 tầng trên đất tại tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt nam thì ngôi nhà của ông K và bà L có giá trị là 274.057.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Nay bà yêu cầu chia đôi theo quy định của pháp luật.

Tại bản án số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a, b khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nông Tuấn K

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nông Tuấn K được ly hôn với bà Vi Đàm L.

2. Về nuôi con chung: Giao các con chung là Nông Ngọc L - sinh 18/9/2003 (Giới tính: Nam) và Nông Thị Ngọc T – sinh 02/02/2010 (Giới tính: Nữ) cho ông Nông Tuấn K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Vi Đàm L có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung theo định kỳ là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) người/ tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

Bà Vi Đàm L được quyền quản lý sử dụng phần tài sản là ngôi nhà xây 2 tầng bê tông cốt thép là phần tài sản chung của vợ chồng (Địa chỉ: Tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) và có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch tài sản cho ông K số tiền là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/01/2019 ông Nông Tuấn K có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng. Tại đơn kháng cáo, ông K đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại phần chia tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Nông Tuấn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Vi Đàm L không nhất trí với kháng cáo của ông K, đề nghị cấp phúc thẩm bác kháng cáo của ông K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Ông K kháng cáo yêu cầu được chia 2/3 tài sản chung của vợ chồng có giá trị là 180.000.000đ. Theo ông K tài sản chung của vợ chồng là một ngôi nhà xây từ năm 2006, khi xây nhà ông K đóng góp 50 triệu tiền mặt, trị giá ngôi nhà hiện nay là 280.000.000đ.

Xác định tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 (Một) ngôi nhà xây 2 tầng bê tông cốt thép trị giá 280.000.000đ, còn đất ở có diện tích 77m², thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 16 ở xóm KC, xã N, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Nay là tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) là tài sản riêng của bà L có trước hôn nhân không đưa vào sử dụng làm tài sản chung. Cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà xây trên đất và chia đôi giá trị ngôi nhà là có căn cứ.

Do vậy kháng cáo của nguyên đơn Nông Tuấn K yêu cầu được hưởng 2/3 trị giá ngôi nhà là 180.000.000đ không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xét xử ngày 08/01/2019, ngày 20/01/2019 nguyên đơn Nông Tuấn K làm đơn kháng cáo, đơn kháng cáo gửi trong hạn luật định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nông Tuấn K:

Tại đơn kháng cáo ngày 20 tháng 01 năm 2019 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Nông Tuấn K cho rằng việc chia tài sản chung của cấp sơ thẩm là không có căn cứ và không công bằng, không xem xét đến công sức đóng góp của ông trong khối tài sản chung. Khi làm nhà ông đóng góp 50.000.000đ, số tiền này là tài sản riêng của ông có trước thời kỳ hôn nhân, có giá trị tương đương với

mảnh đất ở của bà L. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho ông được hưởng tài sản riêng của ông, nếu Tòa xác định số tiền ông đóng góp là tài sản chung thì mảnh đất cũng phải là tài sản chung, ông yêu cầu được chia đôi tài sản là nhà và đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên Tòa ông K đều xác định:

Về đất: Nguồn gốc đất ở có diện tích 77m², thuộc thửa đất số 233, tờ bản đồ số 16 ở xóm KC, xã N, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (Nay là tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) là do bà L được nhận thừa kế quyền sử dụng đất từ bố mẹ trước khi kết hôn với ông K. Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 832558, ngày 16/12/2005 mang tên Vi Đàm L. Khi kết hôn ông K và bà L vẫn xác định mảnh đất này là của bố mẹ để bà L để lại cho bà L, khi làm nhà trên đất hai vợ chồng không có thỏa thuận nhập đất của bà L vào khối tài sản chung, đến nay thửa đất trên vẫn mang tên bà Vi Đàm L. Do vậy không có căn cứ thửa đất số 233, tờ bản đồ số 16 là tài sản chung của ông K và bà L.

Về nhà trên đất: Năm 2006 ông K và bà L xây ngôi nhà 02 tầng bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ 220, sân và mái bê tông. Do các bên không xác định được giá trị tài sản nên đã thống nhất lựa chọn Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt Nam (Địa chỉ: Số 15, ngõ 293 Khuất Duy Tiến, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội) để tiến hành việc thẩm định giá tài sản là phần nhà xây dựng trên đất.

Ngày 14/11/2018 Công ty cổ phần tư vấn và thẩm định Việt nam đã có Chứng thư thẩm định giá, xác định giá trị tài sản chung là ngôi nhà của ông K và bà L có giá trị là 274.057.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu không trăm năm mươi bảy nghìn đồng). Nay ông K và bà L xác định ngôi nhà có giá trị là 280.000.000đ. Tại tòa cả ông K và bà L xác nhận khi xây nhà ông K có đóng góp hơn 50 triệu, việc ông K đóng góp là do ông K tự nguyện góp tài sản vào làm tài sản chung của vợ chồng và vợ chồng cùng sử dụng chung, bà L cũng phải bỏ tiền ra để xây nhà vì thực tế ngôi nhà xây xong chi phí hết 180.000.000đ. Ông K không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh ông là người đóng góp nhiều hơn. Do vậy, cấp sơ thẩm đã xem xét công sức đóng góp của hai bên và chia đôi khối tài

sản chung của vợ chồng, bà L được quyền quản lý ngôi nhà xây trên đất của bà L và có trách nhiệm thanh toán cho ông K phần chênh lệch về tài sản là 140.000.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nông Tuấn K. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo của ông K không được chấp nhận do vậy ông K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nông Tuấn K.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2019/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nông Tuấn K được ly hôn với bà Vi Đàm L
2. Về nuôi con chung: Giao các con chung là Nông Ngọc L - sinh 18/9/2003 (Giới tính: Nam) và Nông Thị Ngọc T – sinh 02/02/2010 (Giới tính: Nữ) cho ông Nông Tuấn K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Vi Đàm L có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con chung theo định kỳ là 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) người/ tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi các con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung:

Bà Vi Đàm L được quyền quản lý sử dụng phần tài sản là ngôi nhà xây 2 tầng bê tông cốt thép là phần tài sản chung của vợ chồng (Địa chỉ: Tổ 9, phường N, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng) và có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch về tài sản cho ông K với số tiền là 140.000.000đ (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*)

4. Về án phí: Ông Nông Tuấn K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận ông K đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2018/0000341 ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Ông Nông Tuấn K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) án phí có giá ngạch của phần tài sản được thanh toán, cộng cả hai khoản là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông K đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, theo số biên lai AA/2016/0000398 ngày 04/7/2018. Nay ông K còn phải nộp 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

Bà Vi Đàm L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) án phí có giá ngạch của phần tài sản được chia. Cộng cả hai khoản là 7.300.000đ (*Bảy triệu ba trăm nghìn đồng*) để sung công quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà L đã nộp là 7.500.000đ (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên lai số AA/2016/0000448 ngày 20/8/2018. Nay bà L được hoàn lại số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB
- CCTHADS TP CB;
- TAND TP CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân Khánh